

LUYỆN TẬP

TÍNH THEO PHƯƠNG TRÌNH HÓA HỌC



Câu 1: Công thức tính hiệu suất phản ứng theo chất sản phẩm là

A

$$H = \frac{m_{LT}}{m_{TT}}.100\%$$

B

$$H = \frac{m_{TT}}{m_{LT}}.100\%$$

C

$$H = \frac{m_{LT}}{n_{TT}}.100\%$$

D

$$H = m_{LT}.m_{TT}.100\%$$

Câu 2: Cho phương trình hóa học



Tỉ lệ mol của các chất $N_2 : H_2 : NH_3$ lần lượt là

A

1 : 2 : 3

B

1 : 3 : 2

C

2 : 1 : 3

D

2 : 3 : 1

Câu 3: Hiệu suất phản ứng là

A

Tỉ lệ số mol giữa sản phẩm và chất tham gia phản ứng

B

Tích số mol giữa các chất sản phẩm và chất tham gia phản ứng

C

Tỉ lệ giữa lượng sản phẩm thu được theo thực tế với lượng sản phẩm thu được theo lý thuyết

D

Tỉ lệ giữa lượng chất tham gia phản ứng theo thực tế với lượng chất tham gia phản ứng theo lý thuyết

Câu 4: Cho miếng đồng (Cu) dư vào 200ml dung dịch $AgNO_3$, thu được muối $Cu(NO_3)_2$ và Ag bám vào miếng đồng. Khối lượng Cu phản ứng là 6,4 gam. Khối lượng Ag tạo ra là

A

8,8 gam

B

10,8 gam

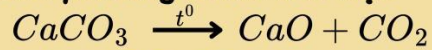
C

15,2 gam

D

21,6 gam

Câu 4: Cho phương trình hóa học



Số mol $CaCO_3$ đã phản ứng để điều chế được 11,2 gam CaO

A 0,2 mol

B 0,3 mol

C 0,4 mol

D 0,1 mol

Câu 6: Đốt cháy hoàn toàn 12,8 gam lưu huỳnh bằng khí Oxygen, thu được khí SO_2

Số mol Oxygen đã phản ứng

A 0,2 mol

B 0,4 mol

C 0,6 mol

D 0,8 mol

Câu 7: Cho 4,8 gam Mg tác dụng với dung dịch chứa 3,65 gam Hydrochloric acid (HCl) thu được Magnesium chloride ($MgCl_2$) và khí Hydrogen. Thể tích H_2 thu được ở điều kiện chuẩn là

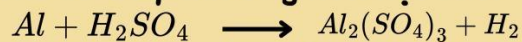
A 2,2400 lít

B 2,4790 lít

C 1,2395 lít

D 4,5980 lít

Câu 8: Cho sơ đồ phản ứng hóa học sau:



Số mol H_2SO_4 phản ứng hết với 6 mol là

A 6 mol

B 3 mol

C 9 mol

D 5 mol

Câu 9: Đốt cháy hoàn toàn 7,5 gam than đá có chứa 4% tạp chất không cháy, thể tích khí Oxygen ở điều kiện chuẩn vừa cần dùng là

A 49,58 lít

B 74,37 lít

C 37,185 lít

D 14,874 lít